

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-04-2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Bé**.

Ông **Nguyễn Trung Chánh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Trí** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Ông **Thạch I Ran**.

- Người hỗ trợ phiên tòa tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần: Bà **Huỳnh Thị Huyền Trân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ phiên tòa tại điểm cầu thành phần tại phòng xét xử trực tuyến Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng: Ông **Nguyễn Phước Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ngãi Th, xã Ngãi H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Võ Quốc T**, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ngãi Th, xã Ngãi H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày có nội D:

Vào năm 2005, chị có kết hôn với anh Võ Quốc T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/5/2009. Trong quá trình chung sống chị D và anh T có 01 con chung Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không còn hạnh phúc, anh T thường hay uống rượu về nhà thì kiểm chuyện cự cãi với chị, có hành động bạo hành với chị, chị đã một lần nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T, nhưng tại phiên hòa giải anh T năn nỉ, hứa sửa chữa sai lầm nên chị đã rút đơn về đoàn tụ; tuy nhiên sau một thời gian anh T lại tính nào tạt nẩy, không thay đổi nên chị và anh T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống chung nhau không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay.

Nay chị D nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006 đã thành niên, và sống tự lập, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Quốc T vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị D và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/5/2009.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cự cãi qua lại với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006 đã thành niên, và sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Võ Quốc T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Võ Quốc T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cháu Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006 đã thành niên, và sống tự lập, chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Quốc T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Quốc T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Võ Quốc T; về con chung: Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D xác lập quan hệ hôn nhân với anh T vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/5/2009 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị D và anh T thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị D, anh T.

[3] Về con chung: Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006 đã thành niên đã thành niên sống tự lập, chị D và anh T không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D và anh T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Võ Quốc T.

2. Về con chung: Võ Thị Mỹ X, sinh ngày 13/6/2006 đã thành niên đã thành niên sống tự lập, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006301, ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng
(chứng nhận kết hôn năm 20/5/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hoa Lan